TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2025/DS-ST
Ngày: 09 – 4 – 2025
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ái Loan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Sang

Ông Trương Văn Kiển

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Võ Thanh Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên toà*:* Ông Nguyễn Hoàng Phúc Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 134/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2025/QĐXXST-DS, ngày 11 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng M. Địa chỉ: Số B, đường N, phường B, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1/ Ông Ong Vĩnh P, chức vụ: Trưởng bộ phận Phòng KHCN – Chi nhánh Trà Vinh, địa chỉ: huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

2/ Bà Hồ Như M, chức vụ: Trợ lý QH KHCN – Chi nhánh Trà Vinh, địa chỉ: huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Lâm Hồng N, sinh năm 1994, địa chỉ: đường S, khóm E, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 28/07/2023, Ngân hàng M ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với bà Lâm Hồng N theo hình thức cấp thẻ tín dụng thuộc đối tượng cấp thẻ TN01-Thu nhập từ lương, hạn mức tín dụng 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), mục đích vay: tiêu dùng; Hình thức cấp thẻ tín dụng: Tín chấp. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, mặc dù ngân hàng nhiều lần đôn đốc, yêu cầu bà Lâm Hồng N trả nợ nhưng bà N vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ngân

hàng. Vào tháng 11/2024, phía Ngân hàng và bà N có ký giấy với nhau về việc cam kết trả nợ, bà N cam kết mỗi tháng trả cho Ngân hàng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, phía Ngân hàng sẽ đề nghị cấp trên phê duyệt chỉ yêu cầu bà N thanh toán nợ gốc là 27.517.000 đồng, giấy cam kết phía Ngân hàng lưu giữ. Tuy nhiên, sau khi cam kết bà N vẫn không thực hiện việc trả nợ.

Tính đến ngày 27/5/2024, bà Lâm Hồng N còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 27.517.000 đồng, nợ lãi và phí là 10.226.453 đồng. Ngân hàng yêu cầu bà N phải thanh toán tổng số tiền nợ gốc, lãi, phí tính đến ngày 27/5/2024 là: 37.743.453 đồng và tiếp tục tính lãi quá hạn theo lãi suất 43,5%/năm từ ngày 28/5/2024 cho đến khi trả hết nợ.

Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Lâm Hồng N trình bày:

Bà thừa nhận trước đây bà có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng M, theo hình thức cấp thẻ tín dụng thuộc đối tượng cấp thẻ TN01-Thu nhập từ lương, hạn mức tín dụng 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Thời điểm ký hợp đồng, bà không nghe nhân viên tư vấn nói mức lãi suất và các loại phí mà bà phải chịu và đồng thời bà cũng không biết cụ thể mức lãi suất và phí. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, do điều kiện kinh tế khó khăn nên bà không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho phía Ngân hàng, nay ngân hàng khởi kiện thì bà thừa nhận còn nợ và đồng ý trả số tiền nợ gốc cho ngân hàng là 27.517.000 đồng, số tiền lãi là: 10.226.453 đồng, đối với yêu cầu tiền lãi quá hạn phát sinh bà không đồng ý trả.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới tại phiên tòa.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh:

Về tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý đến khi quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Bà Lâm Hồng N có mở thẻ tín dụng tại Ngân hàng M là có thật, được thể hiện tại Đề nghị kiêm Hợp đồng mở, sử dụng tài khoản và các biên bản làm việc của Ngân hàng. Do bà Lâm Hồng N vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng Ngân hàng M khởi kiện yêu cầu trả tiền vốn là có căn cứ. Đối với yêu cầu về lãi suất và các khoản phí, tại văn bản đề nghị kiêm hợp đồng mở tài khoản thanh toán ngày 28/7/2023 nội dung không thể hiện lãi suất, các khoản phí cụ thể, bà Nhi cũng cho rằng khi mở thẻ bà cũng không biết được mức lãi suất và các loại phí mà bà phải chịu. Tuy nhiên, bà N cũng thừa nhận có sử dụng thẻ và đồng ý trả số tiền vốn và lãi là 37.743.453 đồng, nên ghi nhận tự nguyện của bị đơn.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ghi nhận sự tự nguyện của bà Lâm Hồng N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng M số tiền vay gốc và tiền lãi là 37.743.453 đồng và buộc các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng M khởi kiện bà Lâm Hồng N yêu cầu trả vốn gốc, lãi quá hạn theo hợp đồng mở thẻ tín dụng đã ký kết, đây là vụ kiện "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng M: Vào ngày 28/7/2023 bà Lâm Hồng N và Ngân hàng M đã ký kết Đề nghị kiêm Hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán/sản phẩm – dịch vụ (sau đây gọi tắt là Hợp đồng mở thẻ tín dụng). Xét việc ký kết Hợp đồng mở thẻ tín dụng là tự nguyện, về hình thức và nội dung là phù hợp theo quy định tại các Điều 116, 117 và Điều 119 của Bộ luật Dân sự nên hợp đồng hợp pháp và có hiệu lực pháp luật, các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng. Sau khi mở thẻ tín dụng, bà Lâm Hồng N đã sử dụng 30.837.000 đồng, đã thanh toán số tiền 3.320.000 đồng, còn nợ lại số tiền vốn 27.517.000 đồng. Trong quá trình tố tụng, bà Lâm Hồng N cũng đã thừa nhận toàn bộ số nợ vốn 27.517.000 đồng theo yêu cầu khởi kiện của ngân hàng, do đó đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Ngân hàng M khởi kiện yêu cầu bà Lâm Hồng N phải có nghĩa vụ hoàn trả số tiền vốn 27.517.000 đồng là có cơ sở nên được chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu tiền lãi, phí tính đến ngày 27/5/2024 là: 10.226.453 đồng và tiền lãi quá hạn theo lãi suất 43,5%/năm từ ngày 28/5/2024 cho đến khi trả hết nợ: Tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: *"Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng"*. Trong Hợp đồng mở thẻ tín dụng giữa bà Lâm Hồng N và Ngân hàng M không có ghi lãi suất cũng như các loại phí mà chủ tài khoản phải chịu. Tại tiểu mục 3 mục V của Hợp đồng mở thẻ tín dụng có nêu: *"Bằng việc ký vào giấy đề nghị này, tôi/chúng tôi đồng ý việc M chủ động xem xét cấp hạn mức và phát hành thẻ tín dụng cho tôi/chúng tôi với hạn mức, thời hạn, lãi suất... theo quy định của M..."* (BL 12). Tờ trình cấp thẻ tín dụng ngày 28/7/2023 được xét duyệt vào ngày 31/7/2023 (BL 09-10) cũng không thể hiện lãi suất cũng như các loại phí mà chủ tài khoản phải chịu. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã phát hành thông báo số 08/TB-TA ngày 06/02/2025 yêu cầu Ngân hàng M cung cấp chứng cứ chứng minh mức lãi suất và phí theo hợp đồng cũng như việc bà Lâm Hồng N đã được thông báo về mức lãi suất và phí, nhưng Ngân hàng M không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở buộc bà Lâm Hồng N phải chịu số tiền lãi và phí theo yêu cầu của Ngân hàng.

[4] Tại Điều 468 của Bộ luật dân sự quy định: "*1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất. Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.*

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ". Như vậy trong trường hợp này, mức lãi suất được áp dụng là 10%/năm. Thời điểm từ 15/9/2023 đến 09/4/2025 là 1 năm 6 tháng 24 ngày, tương ứng số tiền lãi bà N phải chịu là 4.310.997 đồng. Tuy nhiên tại biên bản hòa giải ngày 17/01/2025 và tại phiên tòa, bà Lâm Hồng N tự nguyện đồng ý trả số tiền lãi cho Ngân hàng số tiền là: 10.226.453 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà N.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc Ngân hàng M phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện về tiền lãi không được chấp nhận (5% x 10.373.908 đồng); bà Lâm Hồng N phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng M được chấp nhận (5% x 37.743.453 đồng).

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35; 39, 147, 227, 264, 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự; Điều 91, 93 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng M.

2/ Buộc Bà Lâm Hồng N có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng M số tiền nợ gốc 27.517.000 đồng, tiền lãi và phí là 10.226.453 đồng.

Tất cả số tiền trên kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Bà Lâm Hồng N phải chịu 1.888.000 đồng. Buộc Ngân hàng M phải chịu 519.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 944.000 đồng tiền theo biên lai thu tiền số 0009571, ngày 06/11/2024 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành thu, Ngân hàng M được nhận lại số tiền chênh lệch là 425.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"../.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Ái Loan